SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN NHI HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1291 /QĐ-BVNHP

Hải Phòng, ngày 13 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành giá bán lẻ hàng hóa kinh doanh tại Nhà thuốc Bệnh viện áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hải Phòng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NHI HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 28/TCCQ ngày 09/01/1975 của Ủy ban Hành chính thành phố Hải Phòng về việc thành lập Bệnh viện Trẻ em;

Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Trẻ em trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng quản lý Bệnh viện Trẻ em và phê duyệt Quy chế hoạt động tạm thời của Hội đồng quản lý Bệnh viện Trẻ em; Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Bệnh viện Trẻ em;

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Bệnh viện Trẻ em;

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc đổi tên một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế và Trạm Y tế các xã, phường, đặc khu trực thuộc Trung tâm Y tế khu vực;

Căn cứ Quyết định số 2423/QĐ-SYT ngày 22/9/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao cơ chế tự chủ cho Bệnh viện Nhi Hải Phòng Giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Biên bản họp BCH Đảng ủy, Ban Giám đốc, Công đoàn, Trưởng các phòng chức năng ngày 11/11/2026 thống nhất về giá bán lẻ hàng hóa tại Nhà thuốc bệnh viện áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hải Phòng;

Theo đề nghị của khoa Dược và Phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá bán lẻ hàng hóa tại Nhà thuốc Bệnh viện áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hải Phòng, cụ thể tại phụ lục đính kèm

Điều 2. Thời gian thực hiện: Từ ngày 13 /11/2026

Điều 3. Phòng Tài chính kế toán, khoa Dược, Phòng Công nghệ thông tin, và các khoa, phòng liên quan triển khai thực hiện. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: TCKT, VT.

Q.GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN NHI HẢI PHÒNG

BSCKII. Trần Minh Cảnh

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN NHI HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC HÀNG HÓA BÁN LẺ TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN

(Kèm Quyết định số /QĐ-BVNHP ngày / /2026 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
	Thuốc									
1	A.T Calci plus	Calci glucoheptonat+ Calci gluconat	(700mg+ 300mg)/ 10ml	Uống	Dung dịch uống	893100100924 (VD-24130-16)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Ống	**5.060**
2	A.T MAGNESI B6 PLUS	Maginesi lactat dyhydrat 186mg Magines pidolat 936mg pyridoxin hydroclorid10mg	(18,6mg+93,6mg+1mg)/ ml	Uống	Dung dịch uống	VD-34569-20	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Ống	**5.390**
3	Abrocto	Ambroxol hydrochloride	15mg/5ml x 10ml	Uống	Siro thuốc	893100584024 (SĐK cũ: VD-16478-12)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Ống	**5.564**
4	Aceffex	Vitamin A 300IU, Vitamin D3 50IU, Vitamin B1 3mg, Vitamin B2 3mg; Vitamin PP 10mg; Vitamin B6 3mg, Vitamin B12 5mcg, Sắt sulfat 16,5mg; Calci glycerophosphat 5mg; Magnesi gluconat 5mg, Lysin HCl	300IU; 50IU; 3mg; 3mg; 10mg; 3mg; 5mcg; 16,5mg; 5mg; 5mg;25mg	Uống	Viên nang mềm	893100196124 (VD-17472-12)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Viên	**4.950**
5	Acetuss	Mỗi 10ml chứa: N-Acetylcystein 200mg	200mg	Uống	Dung dịch uống	893100420424 (SĐK cũ: VD-32111-	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược VTYT Hà Nam	Ống	**4.037**
6	Aciclovir Cap DWP 200mg	Aciclovir	200mg	Uống	Viên nang cứng	893110235623	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Wealphar	Viên	**1.087**
7	Aerius	Desloratadine	0,5mg/ml	Uống	Siro	540100000600	Bỉ	Organon Heist bv	Chai	**84.423**
8	Agirenyl [5000IU]	Retinyl acetat (Vitamin A)	5000IU	Uống	Viên nang cứng	VD-14666-11	Việt Nam	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP	Viên	**305**
9	Akitykity-new	Albendazol	200mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	893110925224 (SĐK cũ: VD-26280-17)	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Gói	**5.236**
10	Alphachymotrypsin	Alpha chymotrypsin	4,2mg hoặc 4.200IU hoặc 21 microkatal	Uống	Viên nén	893110074200	Việt Nam	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Viên	**116**
11	Alphavimin	Lysin hydrochlorid + Thiamin hydrochlorid (Vitamin B1) +	(100mg + 1mg + 1,15mg + 2mg +	Uống	Siro	893100843024 (SĐK cũ: VD-33138-	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Ống	**12.840**
12	Altasyaris [262mg]	Bismuth subsalicylat	262mg	Uống	Viên nén nhai	893110121623	Việt Nam	Công ty liên doanh Meyer-	Viên	**4.013**
13	Amlobest [5mg]	Amlodipin	5mg	Uống	Viên nang cứng	893110745824	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Viên	**179**
14	Amoxfap 500 [500mg]	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	500mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	VD-33260-19	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa	Gói	**2.310**
15	ANAFERON FOR CHILDREN	Các kháng thể gắn với interferon gamma ở người	3mg	Uống	Viên nén phân tán tại khoang miệng	QLSP-875-15	Russia	OOO"NPF"Materia Medica Holding	Viên	**5.773**
16	Anthimucin	Mupirocin	100mg/5g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	893100132425	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Tuýp	**115.498**
17	Antikans [80mg]	Thymomodulin	80mg	Uống	Viên nang cứng	QLSP-976-16	Việt Nam	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Viên	**4.950**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
18	AROLOX paediatric drops, 15ml	Ambroxol hydrochloride	6mg/ml x 15ml	Uống	Dung dịch uống	VN-23025-22	Bangladesh	The Acme Laboratories Ltd	Chai	**34.561**
19	Asigastrogit	Attapulgit hoạt hóa + Magnesi carbonat + Nhôm hydroxyd khô	2500mg + 250mg + 250mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	893100652724	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa	Gói	**1.485**
20	Aspirin 100 [100mg]	Aspirin	100mg	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	893110271300	Việt Nam	Công ty Cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Gói	**2.090**
21	Aticonazole 100mg	Itraconazole (dưới dạng Itraconazole Pellets 22% w/w) 100mg	100mg	Uống	Viên nang cứng	893110324800	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Viên	**13.375**
22	Atiferole	Mỗi 15ml dung dịch chứa: Sắt protein succinylate (tương đương 40 mg Fe3+) 800 mg; ;	800 mg/15ml	Uống	Dung dịch uống	VD-34133-20	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Gói	**16.778**
23	Atiflapred	Prednisolone (dưới dạng Prednisolone sodium phosphate)	2 mg/ml (0,2% kl/tt)	Uống	Dung dịch uống	893110266524	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Chai	**57.780**
24	Auclanityl 875/125mg [875mg + 125mg]	Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat) và Acid Clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén dài bao phim	893110394324	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Viên	**4.510**
25	Augmentin 1g	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	VN-20517-17	Anh	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Viên	**17.848**
26	Augmentin 250mg/31,25mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg + 31,25mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	VN-17444-13	Pháp	Glaxo Wellcome Production	Gói	**11.417**
27	Augmentin 500mg/62,5mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 62,5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	VN-16487-13	Pháp	Glaxo Wellcome Production	Gói	**17.135**
28	Avamys	Fluticason furoat	27,5 mcg/ liều xịt	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	VN-21418-18	Anh	Glaxo Operations (UK) Ltd. (trading as Glaxo Wellcome Operations)	Bình	**181.851**
29	Babismo 262	Bismuth subsalicylat	262mg	Uống	Viên nén nhai	893100948524	Việt Nam	Công ty cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	Viên	**4.169**
30	Babytrim-New alpha	Alphachymotrypsin	4,2mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	893110269800	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Gói	**4.125**
31	Bari sulfat pha hỗn dịch [92,7mg]	Bari sulfat	92,7mg	Uống	Thuốc bột	VD-34019-20	Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Gói	**15.729**
32	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Povidon iod	10% kl/tt	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	529100790424	Cyprus	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Chai	**48.544**
33	Betadine Gargle and Mouthwash	Povidone Iodine	1% (w/v)	Súc họng và miệng	Dung dịch súc họng và súc miệng	529100078823	Cyprus	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Chai	**64.696**
34	Betixtin	Betahistin	24mg	Uống	Viên nén	594110298525	Romania	Antibiotice SA	Viên	**5.992**
35	Biragan 150 [150mg]	Paracetamol	150mg	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	VD-21236-14	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Viên	**1.733**
36	Bridotyl	Hydroxy Cloroquin sulphat	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-36113-22	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Enlie	Viên	**4.785**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
37	Bufecol 100 Susp	Ibuprofen	200mg/10ml	Uống	Hỗn dịch uống	893100401124 (SĐK cũ: VD-32562-19)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược VTYT Hà Nam	Ống	**7.419**
38	Calcimax	Mỗi 5ml chứa: Calci ascorbat khan (dưới dạng Calci ascorbat) 250mg; Lysin hydroclorid 141,7mg; Acid ascorbic (dưới dạng Lysin ascorbat) 136,6mg	250mg, 141,7mg, 136,6mg	Uống	Dung dịch uống	893110707024 (VD-26977-17)	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Ống	**6.953**
39	Cammic[500mg]	Acid tranexamic	500mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-17592-12	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Viên	**1.104**
40	Captopril Stella 25mg	Captopril	25mg	Uống	Viên nén	893110337223	Việt Nam	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Viên	**517**
41	Cebest	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime proxetil)	100mg/3g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	893110152025 (VD-28341-17)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Gói	**8.453**
42	Ceelin	Vitamin C	100mg/5ml	Uống	Sirô	893100569224	Việt Nam	Công ty TNHH United International Pharma	Chai	**55.522**
43	Cepmaxlox 200	Cefpodixim 200 mg	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	893110290400	Việt Nam	Công ty CP dược phẩm Hà	Viên	**7.797**
44	Cetraxal	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride)	0,2% (w/v)	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	840115525624	Tây Ban Nha	Laboratorios Salvat, S.A	Ống	**9.202**
45	Cifataze DT-200 [200 mg]	Cefixime	200 mg	Uống	Viên nén phân tán không bao	VN-23238-22	India	Micro Labs Limited	Viên	**3.300**
46	Cifga [500mg]	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	893115012900	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Viên	**1.035**
47	Ciprobay 500	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	800115179523	Ý	Bayer HealthCare Manufacturing S.r.l.	Viên	**14.150**
48	Ciprofloxacin 250-US	Mỗi gói 3g chứa: Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin HCl) 250 mg	250mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-24053-15	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA	Gói	**9.810**
49	CKDCipol-N 100mg	Cyclosporin	100mg	Uống	Viên nang mềm	VN-18192-14	Republic of Korea	Cơ sở cân nguyên liệu, đóng gói và xuất xưởng: Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp. (Cơ sở sản xuất nang, đóng nang sấy nang, lựa nang: Suheung Co., Ltd (Địa chỉ: 61, Osongsaengmyeong-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do,	Viên	**52.965**
50	Clanoz [10mg]	Loratadin	10mg	Uống	viên nén	893100040623	Việt Nam	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu	Viên	**315**
51	Clarie OD	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	VN-23270-22	Ấn Độ	Ind-Swift Limited	Viên	**31.565**
52	Clorpheniramin [4mg]	Clorpheniramin maleat	4mg	Uống	viên nén	VD-32169-19	Việt Nam	Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	Viên	**1.127**
53	Codintec 100 mg/5ml	Mỗi 5m hỗn dịch sau pha: Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	100mg/5ml/70ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	893110505124 (SĐK cũ: VD-31929-19)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Lọ	**112.140**
54	COMPACIN	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCl)	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	VD-29775-18 (893115336524)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Gói	**5.390**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
55	Companity [670mg/ml x 7,5ml]	Lactulose	670mg/ml	Uống	Dung dịch uống	893100151224	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**3.630**
56	Corsidic H [200 mg + 100 mg]	Fusidic acid + hydrocortison	200 mg + 100 mg	Bôi	Thuốc kem	VD-36078-22	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Tuýp	**55.105**
57	Creon 25000	Pancreatin (tương đương Amylase + Lipase + Protease)	300mg (18000 đơn vị Ph.Eur + 25000 đơn vị Ph.Eur + 1000 đơn vị Ph.Eur)	Uống	Viên nang cứng	QLSP-0700-13	Đức	Abbott Laboratories GmbH	Viên	**14.662**
58	CTToren 50	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	50mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-35208-21	Việt Nam	Công ty cổ phần US Pharma USA	Gói	**12.626**
59	Daivobet	Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrate 52,2mcg) + Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat 0,643mg)	50mcg/g + 0,5mg/g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	VN-20354-17 (Có QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Ireland	LEO Laboratories Limited	Tuýp	**303.188**
60	Daivonex	Calcipotriol	50mcg/g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	VN-21355-18 (Có QĐ gia hạn số 401/QĐ-QLD ngày 14/08/2025)	Ireland	LEO Laboratories Limited	Tuýp	**315.315**
61	Dasbrain	Dầu cá ngừ tự nhiên (chứa: Eicosapentaenoic acid; Docosahexaenoic acid; Omega-3 marine triglycerides)	1g (60mg; 260mg; 320mg)	Uống	Viên nang mềm	VN-18228-14	Australia	Catalent Australia Pty.Ltd	Viên	**13.482**
62	DECOLIC	Trimebutin maleat	24mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	893110199724	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Gói	**2.310**
63	Derminate [0,05% x 10g]	Clobetasol propionat	0,05%; 10g	Bôi	Kem bôi da	VD-35578-22	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Tuýp	**6.741**
64	DEFOTHAL TABLETS 250 MG	Deferasirox	250 mg	Uống	Viên nén pha hỗn dịch uống	VN-22793-21	India	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Viên	**8.774**
65	DEFOTHAL TABLETS 500 MG	Deferasirox	500mg	Uống	Viên nén pha hỗn dịch uống	890110172900 (VN-22476-19)	India	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Viên	**20.330**
66	Degas	Ondansetron (dưới dạng Ondansetron HCl)	8mg/4 ml	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	893110375023 (CV gia hạn số 776/QĐ-QLD ngày 19/10/2023)	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Ống	**3.234**
67	Depakine 200mg	Natri valproat	200mg	Uống	Viên nén kháng acid dạ dày	840114019124	Tây Ban Nha	Sanofi Aventis S.A	Viên	**2.727**
68	Depakine 200mg/ml	Natri valproate	200mg/ml	Uống	Dung dịch thuốc uống	868114087823	Nước sản xuất và đóng gói: Thổ Nhĩ Kỳ; Nước kiểm nghiệm và xuất xưởng: Pháp	Cơ sở sản xuất và đóng gói: Sanofi Ilac Sanayi Ve Ticaret Anonim Sirketi; Cơ sở kiểm nghiệm và xuất xưởng: Sanofi Winthrop Industrie	Chai	**86.345**
69	Diobysta	Gói 10g chứa: Diosmectite	3g/10g	Uống	Hỗn dịch uống	893100162823	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Gói	**4.950**
70	Dipatin	Rupatadine (dưới dạng Rupatadine fumarate 1,273mg)	1mg/ml x 10ml	Uống	Dung dịch uống	VD-35142-21	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược VTYT Hà Nam	Ống	**13.161**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
71	Dompenic	Domperidon	10mg	Uống	Hỗn dịch uống	893110190924 (VD-27489-17)	Việt Nam	Công ty TNHH dược phẩm USA-NIC	Ống	**8.239**
72	Dropstar	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	0,5% w/v; 10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	893115057200 (VD-21524-14)	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**64.200**
73	Duchat	Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat 66,66mg) + Thiamine hydrochloride + Riboflavine sodium phosphate + Pyridoxine hydrochloride + Cholecalciferol + Alphatocopheryl acetate + Nicotinamide + Dexpanthenol + Lysin hydrochloride	(8,67mg + 0,2mg + 0,23 mg + 0,40 mg + 1mcg + 1,00mg + 1,33mg + 0,67 mg + 20mg)/ml x 7,5ml	Uống	Dung dịch uống	893100414924 (Số ĐK cũ: VD-31620-19)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 hà Nội	Ống	**13.375**
74	Duphalac	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	870100067323	Hà Lan	Abbott Biologicals B.V	Gói	**5.992**
75	Dutased	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	2000mg + 400mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	893110653124 (Hiệu lực) (SĐK cũ: VD-25352-16)	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa	Chai	**24.396**
76	Dyna Smart Drops	Omega-3 triglycerid	Omega-3 triglycerid (tương đương Docosahexaenoic acid (DHA) 20,05%; Eicosapentaenoic acid (EPA) 4,20%) 46,39% (w/v)	Uống	Dịch uống	893100239925	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Lọ	**294.000**
77	Efferalgan	Paracetamol	80mg	Đặt hậu môn	Viên đạn	VN-20952-18 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Pháp	UPSA SAS	Viên	**2.228**
78	Efferalgan	Paracetamol	150mg	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	300100523924	Pháp	UPSA SAS	Viên	**2.662**
79	Efferalgan	Paracetamol	300mg	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	300100011424	Pháp	UPSA SAS	Viên	**3.114**
80	Elobiden 250	Cefprozil (dưới dạng cefprozil monohydrat)	250 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	893110097200	Việt Nam	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Gói	**15.836**
81	Ennesvir	Esomeprazole	10mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch	893110052725	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Gói	**6.848**
82	Enterogermina	Bào tử Bacillus clausii kháng đa kháng sinh	4 tỷ/ 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	800400108124	Ý	Opella Healthcare Italy S.R.L.	Ống	**13.781**
83	Equoral 25mg	Ciclosporin	25mg	Uống	Viên nang mềm	859114399723	Cộng hòa	Teva Czech Industries s.r.o	Viên	**10.112**
84	Esomeprazole STADA 20 mg	Esomeprazol (dưới dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa 22% esomeprazol (dạng esomeprazol magnesi dihydrat))	20 mg	Uống	Viên nang cứng	VD-29349-18	Việt Nam	Nhà máy Stada Việt Nam	Viên	**575**
85	Espumisan L	Simethicon	40mg/ml	Uống	Nhũ dịch uống	400100981824	Đức	Berlin Chemie AG	Lọ	**59.838**
86	Eucol 1,25mg/5ml	Desloratadin	1,25mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	893100220924 (VD-25968-16)	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**5.280**
87	Eumovate Cream	Clobetasone Butyrate (dưới dạng micronised)	5g ; 0,05% (kl/kl)	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	500100028323	Anh	Glaxo Operations UK Limited	Tuýp	**24.610**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
88	Euren 30	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	30mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	893110249625	Việt Nam	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Gói	**11.235**
89	Exopan	Sắt nguyên tố (dạng phức hợp sắt (III) hydroxyd polymatose)	50 mg/1ml x 30ml	Uống	Dung dịch uống	893100566524 (SĐK cũ: VD-33715-19)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Chai	**162.750**
90	Eyetobrin 0,3% [0.3%-5ml]	Tobramycin	0.3%-5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	520110782024	Hy Lạp	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Lọ	**35.310**
91	Fenostad 100	Fenofibrat	100mg	Uống	Viên nang	VD-35392-21	Việt Nam	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - chi nhánh 1	Viên	**2.750**
92	Ferricure 100mg/5ml	Mỗi 5 ml dung dịch có chứa 100mg sắt nguyên tố (dưới dạng Polysaccharide iron complex	100mg/5ml x 60ml	Uống	Dung dịch uống	540110005824 (VN-20682-17)	Belgium	Laboratoires Pharmaceutiques TRENKER SA	Lọ	**352.695**
93	Flucason	Fluticasone Propionate	50µg (mcg)/liều x 60	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	893110264324	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Lọ	**102.719**
94	Flucozal 150 [150mg]	Fluconazol	150mg	Uống	Viên nang cứng	VN-15186-12	Cyprus	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Viên	**20.105**
95	Flumetholon 0,02 [1mg/5ml]	Fluorometholon	1mg/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	VN-18451-14	Nhật Bản	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Lọ	**28.784**
96	Forlax	Macrogol 4000 10gam	10gam	Uống	Bột pha dung dịch uống	VN-16801-13	Pháp	Beaufour Ipsen Industrie	Gói	**5.477**
97	Fortrans	Mỗi gói chứa: Macrogol 4000: 64 g; Anhydrous sodium sulfate: 5,7 g; Sodium bicarbonate: 1,68 g; Sodium chloride: 1,46 g; Potassium chloride: 0,75 g	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Bột pha dung dịch uống	VN-19677-16	Pháp	Mayoly Industrie	Gói	**38.488**
98	Fosmitic	Fosfomycin natri	3%; 10ml	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	893110921324 (VD-33152-19)	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Lọ	**94.160**
99	Fucidin	Acid Fusidic	2% (w/w), tuýp 15g	Dùng ngoài	Kem	VN-14209-11 (Có QĐ gia hạn số	Ireland	Leo Laboratories Limited	Tuýp	**80.330**
100	Fucidin H	Acid Fusidic + Hydrocortison acetat	(20mg/g + 10mg/g) x	Dùng ngoài	Kem	539110034823	Ireland	LEO Laboratories Limited	Tuýp	**103.929**
101	Fucidin H	Acid Fusidic + Hydrocortison acetat	(20mg/g + 10mg/g) x	Dùng ngoài	Kem	539110034823	Ireland	LEO Laboratories Limited	Tuýp	**103.928**
102	Fudophos	Sucralfat	1000mg/5g	Uống	Hỗn dịch	893100028600 (SĐK cũ: VD-24256-16)	Việt Nam	Công ty CP DP Phương Đông	Gói	**3.960**
103	Gel Desonide 0,05%	Desonide	0,5mg/1gx15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	893110073800	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Tuýp	**37.450**
104	Gintecin Injection	Cao Ginkgo biloba	17,5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	VN-17785-14	Đài Loan	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Ống	**74.354**
105	GLOTADOL 500	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-19349-13	Việt Nam	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Viên	**863**
106	Hapacol 80 [80mg]	Paracetamol	80mg	Uống	thuốc bột sủi bọt	VD-20561-14	Việt Nam	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu	Gói	**920**
107	Hidrasec 10mg Infants	Racecadotril	10mg/gói	Uống	Thuốc bột uống	300110000524	Pháp	Sophartex	Gói	**5.383**
108	Hidrasec 30mg	Racecadotril	30mg/gói	Uống	Thuốc bột uống	300110000624	Pháp	Sophartex	Gói	**5.729**
109	Humalog Kwikpen	Insulin lispro	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	800410090423	Ý	Eli Lilly Italia S.p.A	Bút tiêm	**207.900**
110	Hylaform 0,1%	Natri hyaluronat	0.1% (w/v); 1ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	893100057300 (VD-28530-17)	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**10.700**
111	ID-Arsolone 4	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên nang	893110310300 (VD-30387-18)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Viên	**978**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
112	ID-Arsolone 4 [4mg]	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên nang cứng	893110310300 (VD-30387-18)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Viên	**1.092**
113	Imenir 125mg	Cefdinir	125mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	893110135925 (SĐK cũ: VD-27893-17) (Công văn gia hạn số 163/QĐ-QLD ngày 04/04/2025)	Việt Nam	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	Gói	**12.840**
114	Ingair 5mg	Montelukast	5mg	Uống	Viên nén nhai	893110072624	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Viên	**575**
115	Insunova -G Pen	Insulin Glargine (rDNA origin)	100IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	QLSP-907-15	India	Biocon Biologics Limited	Bút tiêm	**233.100**
116	Kalira	Calci polystyren sulfonat	5g	Uống	Bột pha hỗn dịch	893110211900 (VD-33992-20)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Gói	**15.729**
117	Keanza	Azithromycin (dưới dạng azithromycin dihydrat 628,92 mg) 628,92 mg) 600mg	600mg	Uống	Cốm bột pha hỗn dịch	893110028224	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Chai	**73.616**
118	Keppra	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-18676-15	Bỉ	UCB Pharma SA	Viên	**16.553**
119	Keppra 250mg	Levetiracetam	250mg	Uống	Viên nén bao phim	540110185425 (VN-22526-20)	Bỉ	UCB Pharma S.A	Viên	**8.525**
120	Kidhepet-new [200mg]	Mỗi 1,5g bột pha hỗn dịch chứa: Aciclovir 200mg	200mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	893110211324 (SĐK cũ: VD-29936-18)	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược trung ương Mediplantex	Gói	**5.500**
121	Klacid	Clarithromycin	125mg/5ml/ Hộp 60ml	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	899110399323	Indonesia	PT. Abbott Indonesia	Lọ	**108.297**
122	Lamictal 25mg	Lamotrigine	25mg	Uống	Viên nén	590110019125	Poland	Delpharm Poznań S.A.	Viên	**5.390**
123	Levothyrox	Levothyroxine natri	25mcg	Uống	Viên nén	400110144123	Đức	Merck Healthcare KGaA	Viên	**1.141**
124	LINEZIN	Kẽm (dưới dạng kẽm sulfat heptahydrat)	4mg/ml x 5ml	Uống	Siro uống	893110059323	Việt Nam	Công ty CP Dược VTYT Hà Nam	Ống	**8.560**
125	Lingasol Drop	Ambroxol hydrochlorid	7,5mg/ml x 30ml, Lọ 30ml	Uống	Dung dịch uống	VD-35637-22	Việt Nam	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam	Lọ	**34.240**
126	Livernin-DH	Arginin hydroclorid	500mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	VD-33993-20	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Hà Tây Việt Nam	Ống	**6.741**
127	LIVOLIN FORTE	Lecithin (PC 35%) 857,13 mg cung cấp Phospholipids thiết yếu (Polyunsaturated	300 mg; 10 mg; 6 mg; 10mg; 10 µg (mcg); 30mg;10 mg	Uống	Viên nang mềm	VN-15542-12	Thailand	Mega Lifesciences Public Company Limited	Viên	**5.500**
128	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	2500mg + 500mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	893100023000 hoặc (VD-26824-17)	Việt Nam	Công ty CPDP Hà Tây	Gói	**1.848**
129	Maxclary 250	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên nén bao phim	893110169224 (VD-30516-18)	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm TW1-Pharbaco	Viên	**7.993**
130	Mecefix-B.E 75 mg	Cefixime (dưới dạng cefixime trihydrate)	75mg/1,5g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	893110859224 (VD-32695-19)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Gói	**6.099**
131	Medoral	Chlorhexidine digluconate (dưới dạng dung dịch 20%)	0,2% (w/v) - Chai 250 ml	Súc miệng	Dung dịch dùng ngoài (nước súc miệng)	VS-4919-15	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Chai	**96.300**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
132	Medoxasol 500mg [500 mg]	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-22922-21	Viên	Medochemie Ltd.- central Factory	Cyprus	**7.436**
133	Meiact Fine Granules [50mg]	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil)	50mg	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	499110518524	Nhật Bản	Meiji Seika Pharmatech Co., Ltd.	Gói	**25.680**
134	Memoback 4mg	Galantamin (Dưới dạng Galantamin hydrobromid)	4mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	893110265700 (VD-31705-18)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**16.853**
135	Mepoly	Mỗi 10ml chứa: Dexamethason (dưới dạng dexamethason natri phosphat); Neomycin (dưới dạng neomycin sulfat); Polymyxin B sulfat	(10mg; 35mg; 100.000IU)/10ml	Nhỏ mắt, mũi, tai	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	893110420024 (VD-21973-14)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Lọ	**39.590**
136	Meseca fort	Mỗi liều 0,137ml chứa: Azelastine hydrochloride; Fluticasone propionate	(137µg (mcg); 50µg (mcg))/0,137ml	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	893110454424 (VD-28349-17)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Lọ	**126.000**
137	Metformin XR 500 [500mg]	Metformin	500mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	893110455523	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Viên	**690**
138	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Uống	Viên nén	893115304223 (VD-28146-17) (CV gia hạn số 737/QĐ-QLD	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viên	**219**
139	Mobfort	Mometason furoat	0,1% (w/w)	Dùng ngoài	Kem bôi da	380110009923	Bungary	Balkanpharma-Razgrad AD	Tuýp	**241.500**
140	Monizol	Mỗi 5ml chứa: Metronidazol (dưới dạng Metronidazol benzoate) 200mg	200mg/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	VN-22077-19	Ấn Độ	Gracure Pharmaceutical Ltd	Chai	**62.060**
141	Montelukast Normon 4mg granules	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	4mg	Uống	Thuốc cốm uống	840110205823	Spain	Laboratorios Normon, S.A.	Gói	**11.342**
142	Moxieye [5mg/ml x 2ml]	Moxifloxacin (Dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	5mg/ml x 2ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	893115304900	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**24.610**
143	Neurixal [470mg, 5mg]	Magnesi lactat dihydrat 470mg; Pyridoxin hydroclorid 5mg	470mg, 5mg	Uống	Viên nén sủi bọt	893100473324	Việt Nam	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Viên	**2.033**
144	Nexipraz 20 [20mg]	Esomeprazol	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	893110362924	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Viên	**2.959**
145	Mucome Baby Spray	Xylometazolin hydroclorid	0,05%	Xịt mũi	Dung dịch xịt mũi	VD-35809-22	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Lọ	**37.450**
146	Mycophenolate mofetil capsules 250 mg	Mycophenolat mofetil	250mg	Uống	Viên nang cứng	VN-23085-22	Ấn Độ	Hetero Labs Limited	Viên	**9.577**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
147	Mycophenolate Mofetil Tablets 500mg	Mycophenolat mofetil	500mg	Uống	Viên nén bao phim	890114774224	Ấn Độ	Hetero Labs Limited	Viên	**24.610**
148	Myfenadin	Fexofenadin hydroclorid	30mg/5ml; 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	893100215925 (VD-34875-20)	Việt Nam	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Gói	**4.785**
149	Myonal 50mg	Eperison hydroclorid	50mg	Uống	Viên nén bao đường	VN-19072-15 (Có QĐ gia hạn số 86/QĐ-QLD ngày	Nhật Bản	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Viên	**3.758**
150	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	VN-19782-16	Thụy Điển	AstraZeneca AB	Viên	**24.028**
151	Nifehexal 30 LA	Nifedipin 30mg	30mg	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	383110000500	Slovenia	Lek Pharmaceuticals d.d.	Viên	**3.486**
152	Nirdicin 250mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 250mg	250mg	Uống	Viên nén bao phim	520115445925 (SĐK cũ: VN-18715-15)	Hy Lạp	Pharmathen S.A-Greece	Viên	**21.293**
153	Nooapi	Piracetam	800mg/4ml, Gói 4ml	Uống	Dung dịch uống	893110135500	Việt Nam	Công ty cổ phần dược Apimed	Gói	**5.280**
154	NORMAGUT	Men Saccharomyces boulardii đông khô	2,5x10^9 tế bào/250mg	Uống	Viên nang cứng	QLSP-823-14	Germany	Ardeypharm GmbH	Viên	**6.955**
155	No-spa	Drotaverine hydrochloride	40mg	Uống	Viên nén	893110049200	Việt Nam	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Viên	**972**
156	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh	100U/1ml (30/70 (tương đương 3,5 mg))	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	300410179000	Pháp	Novo Nordisk Production SAS	Bút tiêm	**210.533**
157	Obikiton	Calci (calci lactat pentahydrat) + Lysin hydroclorid + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B5 + Vitamin	(65mg + 150mg + 1,5mg + 1,75mg + 5mg + 3mg + 200IU + 7,5IU	Uống	Siro	893100318100 (VD-28521-17)	Việt Nam	Công ty Cổ phần dược phẩm Hà Tây	Ống	**11.770**
158	Oresol [0,52g + 0,3g + 0,58g + 2,7g]	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	[0,0,52g + 0,3g + 0,58g + 2,7g	Uống	Thuốc bột uống	893100829124	Việt Nam	Nhà máy HDPHARMA EU-Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương	Gói	**2.310**
159	Oresol new [Mỗi gói 4,22g chứa: 2,7g+0,52g+0,3g+0,509g]	glucose khan (dưới dạng glucose monohydrate)+ natri clorid + kali clorid + trinatri citrat khan (dưới dạng Trinatri citrat 2H2O)	Mỗi gói 4,22g chứa 2,7g+0,52g+0,3g+0,509g	Uống	Thuốc bột uống	893100125225	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Gói	**1.155**
160	Oseltamivir 75 mg	Oseltamivir (tương ứng 98,50 mg oselramivir phosphat)	75 mg	Uống	Viên nang cứng	893110118900	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Viên	**15.757**
161	Oselvir[75 mg]	Oseltamivir (dưới dạng oseltamivir phosphat)	75 mg	Uống	Viên nang cứng	893110168723	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Viên	**14.875**
162	Palmolin	Fexofenadin hydroclorid	60mg	Uống	Viên nén phân tán	VD-28134-17	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Viên	**1.571**
163	Pharmox IMP 500mg [500mg]	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat)	500mg	Uống	Viên nang cứng	893110596024	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Viên	**2.585**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
164	Partamol Tab. [500mg]	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén	VD-23978-15	Việt Nam	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Viên	**552**
165	Philtobax [15mg/5ml]	Tobramycin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	880110038525	Hàn Quốc	Hanlim Pharm Co, Ltd	Lọ	**29.953**
166	Pasigel	Magnesi hydroxyd; Simethicon; Gel nhôm hydroxyd khô	(40mg+5mg+46mg)/ml, 10ml	Uống	Hỗn dịch uống	VD-34622-20	Việt Nam	Công ty cổ phần dược Apimed	Gói	**3.410**
167	Pharmaclofen	Baclofen	10mg	Uống	Viên nén	754110018424	Canada	Pharmascience Inc.	Viên	**2.860**
168	Phytok [40mg/2ml]	Phytomenadion (Vitamin K1)	40mg/2ml	Uống	Nhũ tương uống dạng nhỏ giọt	893110591924	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**94.374**
169	Pirolam	Ciclopirox olamin	10 mg/g	Dùng ngoài	Gel	VN-20311-17 (Có QĐ gia hạn số 3/QĐ-QLD ngày 03/01/2024)	Ba Lan	Pharmaceutical Works POLPHARMA S.A.; Medana branch in Sieradz	Tuýp	**107.000**
170	Prednisolon	Prednisolon	5mg	Uống	Viên nén	893110375523 (VD-31253-18) (CV gia hạn số 776/QĐ-QLD ngày 19/10/2023)	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viên	**101**
171	Pro-Acidol Plus	Bacillus subtilis; Lactobacillus acidophilus	(≥ 10^8 CFU + ≥ 10^8 CFU)/g x 50g	Uống	Bột pha uống	893400175200 (QLSP-842-15)	Việt Nam	Công ty Cổ phần Vắcxin và sinh phẩm Nha Trang	Lọ	**126.000**
172	Progoldkey	Ursodeoxycholic acid	250mg /5ml x 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	893110215125 (SĐK cũ: VD-34590-20)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược VTYT Hà Nam	Ống	**11.770**
173	Q-mumasa baby	Natri clorid (không chất bảo quản)	0,9%; 1ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	893100105923 (VD-22002-14)	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**1.386**
174	RANCIPHEX 10MG	Rabeprazol (dưới dạng Rabeprazol natri 10mg)	9,42mg	Uống	Viên nén kháng acid dạ dày	890110416223	India	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Viên	**1.150**
175	Respiwel 1 [1mg]	Risperidon	1mg	Uống	Viên nén	VN-20369-17	Ấn Độ	M/s Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Viên	**1.150**
176	Revolade 25mg	Eltrombopag olamine 31,9mg (tương đương 25mg Eltrombopag)	25mg	Uống	Viên nén bao phim	840110351324	Tây Ban Nha	Siegfried Barbera, S.L.	Viên	**326.576**
177	Risperdal	Risperidone	1mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-19987-16 (Có QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022)	Ý	Janssen Cilag S.P.A.	Viên	**11.659**
178	Risperdal	Risperidone	2mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-18914-15 (Có QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022)	Ý	Janssen Cilag S.p.A.	Viên	**21.452**
179	Rispersavi 1 [1mg]	Risperidon	1mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-34234-20	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Viên	**1.122**
180	Salbutamol 2,5 mg/2,5 ml	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	893115232324	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Ống	**4.851**
181	Salgad	Fluconazol	150mg	Uống	Viên nang cứng	893110214600	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Viên	**7.265**
182	Sallet [4mg x 10ml]	Salbutamol	4mg	Uống	Dung dịch uống	VD-34495-20	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược VTYT Hà Nam	Ống	**5.510**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
183	Sandimmun Neoral 100mg	Ciclosporin	100mg	Uống	Viên nang mềm	VN-22785-21	Nhà sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói & xuất xưởng:	Nhà sản xuất: Catalent Germany Eberbach GmbH; Cơ sở đóng gói & xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d.	Viên	**72.005**
184	Sara for children	Paracetamol	250mg/5ml x 60ml	Uống	Hỗn dịch	893100623624 (SĐK cũ:VD-28619-17)	Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Chai	**18.559**
185	Scofi [(35.000IU+60.000IU+ 10mg)/10ml]	Neomycin sulfat+ Polymyxin B sulfat +Dexamethason	(35.000IU; 60.000IU; 10mg)/ 10ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	VD-32234-19	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Lọ	**39.590**
186	Seretide Evohaler DC 25/50mcg	Fluticasone propionate ; Salmeterol xinafoate	Fluticasone propionate 50mcg; Salmeterol 25mcg/liều	Hít qua đường miệng	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	840110783924 (VN-14684-12)	Tây Ban Nha	Glaxo Wellcome S.A,	Bình xịt	**154.796**
187	Singument-S	Montelukast sodium (Tương đương với Montelukast 10mg)	10,4 mg	Uống	Viên nén bao phim	`520110971224	Greece	MEDICAIR BIOSCIENCE LABORATORIES S.A	Viên	**11.128**
188	Siro ho Haspan 80ml	Mỗi chai 100ml chứa: Cao khô lá thường xuân (tương đương 3,62g lá thường xuân) 700mg	700mg/100ml x 80ml	Uống	Siro	VD-24896-16	Việt Nam	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Chai	**58.850**
189	Siro Snapcef	Kẽm nguyên tố (dưới dạng Kẽm gluconat 56mg)	8mg/5ml x 10ml	Uống	Siro	893100919424 (SĐK cũ: VD-21199-14)	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược VTYT Hải Dương	Ống	**9.630**
190	Sotstop [2g/100ml]	Ibuprofen	2g/100ml	Uống	Hỗn dịch uống	880100432123	Hàn Quốc	Genuone SciencesInc và Daewoong Pharmaceutical Co,Ltd	Lọ	**74.365**
191	Stiprol	Glycerol	2,25/3g. Tuýp 9g	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	893100092424	Việt Nam	Công ty cổ phần dược Hà	Tuýp	**7.415**
192	Tacrolim 0,03%	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	0,03% (kl/kl)	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	893110232723	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Tuýp	**34.132**
193	Tanganil 500mg	Acetylleucine	500mg	Uống	Viên nén	300100036825	Pháp	Pierre Fabre Medicament Production	Viên	**5.073**
194	Taromentin 457mg/5ml	Amoxicillin + Acid clavulanic	(80mg/ml + 11,4mg/ml) x 70ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	VN-22547-20 (SĐK theo Quyết định Về việc ban hành danh mục 107 thuốc nhập khẩu được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 127 số 645/QĐ-QLD ngày 04/11/2025 là:	Ba Lan	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A.	Chai	**229.950**
195	Taromentin 457mg/5ml	Amoxicillin + Acid clavulanic	(80mg/ml + 11,4mg/ml) x 140ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	590110450325	Ba Lan	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A.	Chai	**363.300**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
196	Taromentin 457mg/5ml	Amoxicillin + Acid clavulanic	(80mg/ml + 11,4mg/ml) x 35ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	VN-22547-20 (SĐK theo Quyết định Về việc ban hành danh mục 107 thuốc nhập khẩu được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 127 số 645/QĐ-QLD ngày 04/11/2025 là:	Ba Lan	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A.	Chai	**152.250**
197	Tavanic	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate 512,46mg)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-19455-15	Pháp	Opella Healthcare International SAS	Viên	**39.109**
198	Tegretol 200	Carbamazepine	200mg	Uống	Viên nén	VN-18397-14	Ý	Novartis Farma S.p.A.	Viên	**1.709**
199	Tegretol CR 200	Carbamazepine	200mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	VN-18777-15	Ý	Novartis Farma S.p.A.	Viên	**2.864**
200	Thytodux	Thymomodulin	60mg/10ml	Uống	dung dịch uống	VD-12939-10	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 3	Ống	**21.186**
201	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg +1mg)/gram	Tra mắt	Mỡ tra mắt	540110132524	Bỉ	Novartis Manufacutring NV	Tuýp	**60.669**
202	Topamax	Topiramat	25mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-20301-17 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022	Thuỵ Sĩ	Cilag AG	Viên	**5.829**
203	Topamax	Topiramat	50mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-20529-17 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022	Thuỵ Sĩ	Cilag AG	Viên	**10.496**
204	Torapain 50 [50mg]	Topiramate	50mg	Uống	Viên nén bao phim	893110235323	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Viên	**5.874**
205	Tphplus	Fexofenadin hydroclorid	6mg/ml x 60ml	Uống	Hỗn dịch uống	893100763824	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abipha	Lọ	**69.550**
206	Trileptal	Oxcarbazepine	60mg/ml	Uống	Hỗn dịch uống	300114342925 (VN-22666-20)	Pháp	Delpharm Huningue SAS	Chai	**230.996**
207	Trileptal	Oxcarbazepine	300mg	Uống	Viên nén bao phim	800114023925 (VN-22183-19)	Ý	Novartis Farma S.p.A.	Viên	**8.628**
208	Ulcogen 800mg	Piracetam	800mg	Uống	Dung dịch uống	893110931224 (SĐK cũ: VD-25548-16)	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Ống	**8.507**
209	Vadikiddy	Miconazole	2% x 10g	Dùng ngoài	Gel rơ miệng họng	VD-35641-22	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Tuýp	**26.750**
210	Valgesic 10 [10mg]	Hydrocortison	10mg	Uống	Viên nén	VD-34893-20	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Medisun	Viên	**5.093**
211	Vatinis (Tên cũ: Isotretinoin 20mg)	Isotretinoin	20mg	Uống	Viên nang mềm	893110916824	Việt Nam	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Viên	**6.206**
212	Viagra	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	50mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-21100-18	Pháp	Fareva Amboise	Viên	**122.472**
213	Viduferi	Sắt nguyên tố (dạng phức hợp sắt (III) hydroxyd polymatose)	50mg/5mlx10ml	Uống	Dung dịch	893100165723	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Ống	**9.951**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
214	Vinfend 200	Voriconazol	200mg	Uống	Viên nén bao phim	893110085825	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viên	**304.500**
215	Vinocerate	Cholin Alfoscerat (dưới dạng Cholin Alfoscerat hydrat)	1g/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	893110099923	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Ống	**60.830**
216	Vinphason	Hydrocortison (dưới dạng hydrocortison natri succinat pha tiêm)	100mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	893110219823	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Lọ	**6.943**
217	Vinphatex	Cimetidin	200mg	Uống	Viên nén	893100305123 (VD-28152-17) (CV gia hạn số 737/QĐ-QLD ngày 09/10/2023)	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viên	**357**
218	Vinsalmol (Salbutamol 2,5	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	893115232324	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Ống	**4.851**
219	Vinsetron	Granisetron (dưới dạng Granisetron hydroclorid)	1mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	VD-34794-20	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Ống	**9.467**
220	Vinzix	Furosemid	40mg	Uống	Viên nén	893110306023 (CV gia hạn số 737/QĐ-QLD ngày 09/10/2023)	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viên	**100**
221	Vitasun	Sắt nguyên tố (dưới dạng phức hợp Sắt(III) hydroxyd polymatose); Acid Folic	50mg; 500mcg	Uống	Dung dịch uống	893110849024 (VD-33160-19)	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Ống	**10.058**
222	VNP Spray baby	Natri clorid	0,9%(w/v); 100ml	Xịt mũi	Dung dịch xịt mũi	893100616924 (VD-24554-16)	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Lọ	**124.950**
223	Xenetix 300	Iodine (dưới dạng Iobitridol)	15g/50ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	VN-16786-13	Pháp	Guerbet	Lọ	**280.087**
224	Zebacef 125mg/5ml	Cefdinir	125mg/5ml x 100ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	868110073423 (VN-19835-16)	Turkey	Pharmavision San. Ve Tic. A.S	Lọ	**244.650**
225	Zensonid	Budesonid	0,5mg/2ml	Hít qua máy khí dung	Hỗn dịch dùng cho khí dung	893110281923	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Lọ	**12.840**
226	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	VN-21390-19 (Có QĐ gia hạn số 698/QĐ-QLD ngày 15/10/2024)	Italy	Haupt Pharma Latina S.r.l	Lọ	**121.787**
227	Zustafa 20	Omeprazol + Natri bicarbonat	20mg + 1680 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch	893110459923	Việt Nam	Chi nhánh Công ty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Gói	**7.704**
	Thiết bị y tế									
1	Nẹp cẳng tay các cỡ					19050NK/BYT-TB-CT	Việt Nam	Công ty cổ phần thương mại Dược vật tư y tế Hà Nội	Cái	**100.000**
2	Nẹp khoá xương đòn trái/phải các cỡ, hợp kim titanium (6 lỗ)					19050NK/BYT-TB-CT	Đức	Af-medical GmbH	Cái	**6.278.100**
3	Nẹp tăng áp bản hẹp 8 lỗ					19050NK/BYT-TB-CT	Đức	Af-medical GmbH	Cái	**982.800**
4	Nẹp xương hàm mặt, sọ não titan 4 lỗ					7741NK/BTY-TBCT	Đức	O&M Medical GmbH	Cái	**1.000.000**
5	Nhiệt kế y khoa Aurora CRW-23					230001381/PCBB-HN	Trung Quốc	Jiangsu Yuye Medical Instruments Co., Ltd	Cái	**30.000**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
6	Que luồn 0.035""x150cm (Dây dẫn nước rửa bàng					19050NK/BYT-TB-CT	Ấn Độ	Devon Innovations Private Limited	Cái	**262.500**
7	Vít khoá đường kính 3.5mm, hợp kim					19050NK/BYT-TB-CT	Đức	Af-medical GmbH	Cái	**554.400**
8	Vít xương cứng đk 4.5mm dài các cỡ					19050NK/BYT-TB-CT	Đức	Af-medical GmbH	Cái	**122.850**
9	Vít xương cứng đường kính 3.5mm, thép không gỉ					19050NK/BYT-TB-CT	Đức	Af-medical GmbH	Cái	**112.350**
10	Vít xương hàm mặt, sọ não titan 2.0					7741NK/BTY-TBCT	Đức	O&M Medical GmbH	Cái	**315.000**
11	Nebianax 3% Flaconcini	Hàm lượng trọng 5ml: Natri clorid 3%, Natri Hyaluronate	Hàm lượng trọng 5ml: Natri clorid 3%, Natri Hyaluronate	Nhỏ mũi	Dung dịch	250003346/PCBB-HN	Italy	Farcoderma S.r.l	Ống	**13.200**
12	Dung dịch xịt mũi Sterimar Nose Hygiene Baby	Thành phần: Nước biển: 15,91ml Nước tinh khiết vđ 50ml Tác dụng: Làm sạch nhẹ nhàng mũivà loại bỏ bụi bẩn - Làm ẩm và phục hồi độ ẩm tự nhiên của niêm mạc mũi - Phòng ngừa các bệnh lý Tai Mũi Họng hiệu quả nhờ tăng cường sự bảo vệ của niêm mạc mũi - Giúp cải thiện chức năng hô hấp, giúp bé ngủ ngon và dễ dàng bú mẹ	Thành phần: Nước biển: 15,91ml Nước tinh khiết vđ 50ml Tác dụng: Làm sạch nhẹ nhàng mũivà loại bỏ bụi bẩn - Làm ẩm và phục hồi độ ẩm tự nhiên của niêm mạc mũi - Phòng ngừa các bệnh lý Tai Mũi Họng hiệu quả nhờ tăng cường sự bảo vệ của niêm mạc mũi - Giúp cải thiện chức năng hô hấp, giúp bé ngủ ngon và dễ dàng bú mẹ	Xịt mũi	Dung dịch	200001770/PCBA-HN	Anh	Church & Dwight UK Ltd	Chai	**113.800**
	Thực phẩm chức năng									
1	BioticAAD	Mỗi gói BioticAAD (Ecologic AAD) 2,5g chứa 9 chủng vi khuẩn lactic (probiotic) 2,5 x 10^9 CFU, bao gồm B.bifidum W23, B.lactis W51, E.faecium W54, L.acidophils W37, L.acidophilus W55, L.paracasei W20, L.salivarius W24. Phụ liệu: Tinh bột ngô, Maltodextrin,...	Mỗi gói BioticAAD (Ecologic AAD) 2,5g chứa 9 chủng vi khuẩn lactic (probiotic) 2,5 x 10^9 CFU, bao gồm B.bifidum W23, B.lactis W51, E.faecium W54, L.acidophils W37, L.acidophilus W55, L.paracasei W20, L.salivarius W24. Phụ liệu: Tinh bột ngô, Maltodextrin,...	Uống	Gói bột	8764/2021/ĐKSP	Hà Lan	Winclove B.V	Gói	**23.000**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Nước sản xuất	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện (đồng)
2	GastimunHP Plus	Trong gói 4g chứa: Chiết xuất từ lòng đỏ trứng gà (Ovalgen HP) 1g (tổng kháng thể Igy: tương đương 6mg). Men vi sinh Lactobacillus johnsonii dạng chết do nhiệt: 50mg (tương đương 5x10^8 tế bào); Phụ liệu: …	Trong gói 4g chứa: Chiết xuất từ lòng đỏ trứng gà (Ovalgen HP) 1g (tổng kháng thể Igy: tương đương 6mg). Men vi sinh Lactobacillus johnsonii dạng chết do nhiệt: 50mg (tương đương 5x10^8 tế bào); Phụ liệu: …	Uống	Gói bột	76/2019/ĐKSP	Nhật Bản	Astrim, INC	Gói	**45.700**
3	Gastifix	Trong 1 gói chứa: Men vi sinh Lactobacillus johnsonii số 1088 dạng chết do nhiệt: 100 mg (10^9 CFU). Phụ liệu: Maltitol, sorbitol, hương sữa chua.	Trong 1 gói chứa: Men vi sinh Lactobacillus johnsonii số 1088 dạng chết do nhiệt: 100 mg (10^9 CFU). Phụ liệu: Maltitol, sorbitol, hương sữa chua.	Uống	Bột	7477/2021/ĐKSP	Nhật Bản	Astrim, INC	Gói	**22.500**
4	CEREBIO	Mỗi gói chứa 2g Ecologic Barrier gồm: hỗn hợp lợi khuẩn (Bifidobacterium bifidum W23,; Bifidobacterium lactis W51; Bifidobacterium lactis W52; Lactobacillus casei W56; Lactobacillus salivarius W24; Lactococcus lactis W19; Lactococcus lactis W58) ≥ 2,5 x 10^9 cfu/g, tinh bột ngô; Maltodextrin; Inulin; Polydextrose; protein thực vật; Kali clorua; Magie sulfate; Mangan sulfate vừa đủ 2g	Mỗi gói chứa 2g Ecologic Barrier gồm: hỗn hợp lợi khuẩn (Bifidobacterium bifidum W23,; Bifidobacterium lactis W51; Bifidobacterium lactis W52; Lactobacillus casei W56; Lactobacillus salivarius W24; Lactococcus lactis W19; Lactococcus lactis W58) ≥ 2,5 x 10^9 cfu/g, tinh bột ngô; Maltodextrin; Inulin; Polydextrose; protein thực vật; Kali clorua; Magie sulfate; Mangan sulfate vừa đủ 2g	Uống	Gói bột	13019/2020/ĐKSP	Hà Lan	Winclove B.V	Gói	**21.400**
5	Buona Ferrodue	Thành phần hàm lượng trong 10 giọt (tương ứng 0,85ml): Sắt (sắt bisglycinate) 10mg. Phụ liệu: Fructose; nước tinh khiết; chất điều chỉnh độ pH: malic acid, citric acid; hương dâu	Thành phần hàm lượng trong 10 giọt (tương ứng 0,85ml): Sắt (sắt bisglycinate) 10mg. Phụ liệu: Fructose; nước tinh khiết; chất điều chỉnh độ pH: malic acid, citric acid; hương dâu	Uống	Dung dịch	2289/2021/ĐKSP	Italy	Inpharma S.p.a	Lọ	**253.700**
	Tổng cộng: 244 khoản									